

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM**

Bản án số: 46/2017/HS-ST.

Ngày: 07/7/2017 .

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM - TỈNH KONTUM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Thập.

2/ Bà Nguyễn Thị Sương.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Hòa - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố KonTum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố KonTum tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hồng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 07/7/2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, xét xử lưu động sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 43/2017/HS-ST ngày 26 - 5 - 2017 đối với bị cáo:

Trần Văn S (Tên gọi khác: H), sinh năm: 1995 tại Kon Tum; Trú tại: Phường Trần Hưng Đ, thành phố Kon T, tỉnh KonTum; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Trần Văn T; sinh năm: 1962 và bà Võ Thị N, sinh năm: 1960; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/12/2016 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1944;

Trú tại: Nguyễn Thượng H, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có mặt

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1, Anh Trịnh Văn Đ; sinh năm: 1994; Có mặt

Địa chỉ: Nguyễn Thái B, phường Lê L, thành phố KonT, tỉnh Kon Tum.

2, Chị Nguyễn Thị Lan V; sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Lê Thị Hồng G, P Lê L, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt

3, Chị Nguyễn Phương T; sinh năm: 1994;

Địa chỉ: Nguyễn Thượng H, p Quyết T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 25/11/2016, Nguyễn Phương T đến nhà Nguyễn Thị Lan V để xin thời gian trả nợ nhưng V không đồng ý, V gọi điện thoại cho Trịnh Văn Đ đến giải

quyết. Khi Đ đến T và Đ tính toán tổng số tiền mà T đã mượn của V cả lãi suất là 9.000.000đ, nhưng do không có tiền trả nên T và Đ thống nhất viết 01 giấy mượn tiền đứng tên Nguyễn Phương T mượn của Trinh Văn Đ số tiền 9.000.000đ, sau đó T, Đ đi về.

Ngày 04/12/2016, Đ đưa giấy mượn tiền cho Trần Văn S và H (không rõ lai lịch) xem, rồi rủ Sn, H đi đòi nợ cùng, thì tất cả đồng ý. Trong khoảng thời gian 05/12/2016 đến 8/12/2016, Sn, H, Đ đến gặp T đòi nợ thì T đã trả Đ 7.000.000đ.

Đến khoảng 16 giờ ngày 09/12/2016, Trần Văn S đã lấy khẩu súng tự chế giấu ở bụi cây thuộc phường Lê L, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum mà S đã mua trước đó vào tháng 3/2016 tại cửa khẩu quốc tế B, huyện Ngọc H của một người (chưa rõ nhân thân, lai lịch) với giá 3.000.000đ bỏ vào người, rồi điều khiển xe mô tô (không rõ BKS) đến nhà chị T đòi nợ tiền nhưng chị T không có nhà, lúc này bị cáo S gặp bà Phạm Thị Đ (mẹ chồng của chị T) đang ăn bánh canh nên bị cáo hỏi “có T ở nhà không”, bà Đ trả lời “không có”, bị cáo hỏi tiếp “sao T hẹn trả tiền mà giờ không có nhà”, bà Đ nói “tao không biết”. Nghe vậy, bị cáo liền chửi tục thì bà Đ nói “đồ mất dạy” và dùng tô ném trúng vào chân S nhưng không gây thương tích. Bực tức bà Đ nên bị cáo ra đường nhặt 01 cục đá loại (4x6)cm chạy lại đập 02 cái trúng vào đầu bà Đ, sau đó đi ra xe và rút trong người ra 01 khẩu súng (làm bằng kim loại, dài khoảng 21,5cm, bề mặt có vết mài dũa) và bắn 01 phát lên trời rồi điều khiển xe mô tô bỏ đi.

Ngày 12/12/2016, bà Phạm Thị Đ làm đơn yêu cầu giám định thương tích và yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Tại bản giám định pháp Y số 19/C54C-DD3 ngày 23/01/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà N kết luận: Khẩu súng ngắn tự chế làm bằng kim loại gửi giám định có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng (thuộc vũ khí quân dụng), khi bắn đầu đạn vào người có khả năng gây sát thương; mức độ sát thương tùy thuộc vào chất lượng đạn, khoảng cách bắn và vị trí trúng đạn.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 141/TgT-TTPY ngày 15/12/2016 của Trung T pháp y tỉnh Kon Tum kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà Đ là 04% (vết thương thái dương đỉnh trái + vết thương đỉnh đầu 04%; 1/3 giữa cánh tay phải bầm tím 0%).

Tại bản cáo trạng số 43/KSĐT - TA ngày 26/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum đã truy tố bị cáo Trần Văn S (Tên gọi khác: H) về tội “Tàng trữ, sử dụng, mua bán trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 230 Bộ luật hình sự và tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon T giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo Trần Văn S và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 230; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn S từ 15 đến 18 tháng tù về tội “Tàng trữ, sử dụng, mua bán trái phép vũ khí quân dụng” và áp dụng khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm h khoản 1

Điều 48 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn S từ 09 đến 12 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung là từ 24 đến 30 tháng, thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2016.

Về dân sự đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận về mức bồi thường giữa bị cáo và người bị hại đã tự thỏa thuận; về vật chứng vụ án đề nghị áp dụng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn S đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 16 giờ ngày 09/12/2016, bị cáo Trần Văn S đến nhà chị Nguyễn Thị Phương T đòi nợ tiền nhưng chị T không có nhà, bị cáo S gặp bà Phạm Thị Đ (mẹ chồng của T) thì giữa bà Đ và bị cáo S nói qua lại, S chửi tục thì bà Đ dùng tô đang ăn ném trúng chân bị cáo S nhưng không gây thương tích gì. Bị cáo bức tức nên đã lấy 01 cục đá loại (4x6) cm là “*hung khí nguy hiểm*” đánh 02 cái trúng vào đầu bà Đ gây thương tích với tỷ lệ là 04% tạm thời và người bị hại có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Hành vi đó của bị cáo Trần Văn S đã phạm vào tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung “*dùng hung khí nguy hiểm*”. Đối với tình tiết định khung “*Có tính chất côn đồ*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự, xét thấy vì giữa bị cáo và người bị hại có cãi qua, cãi lại thì bà Đ dùng tô đang ăn ném trúng vào chân bị cáo nên bị cáo bức tức mới lấy đá đập vào đầu bà Đ gây thương tích, nên việc cáo trạng số 43/KSĐT - TA ngày 26/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon T truy tố bị cáo Trần Văn S về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung “*Có tính chất côn đồ*” là chưa phù hợp. Do đó chỉ cần xét xử bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung “*Dùng hung khí nguy hiểm*” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên bị cáo Trần Văn S còn có hành vi vào khoảng tháng 3/2016, bị cáo đã mua và cất giữ trái phép 01 khẩu súng làm bằng kim loại dài khoảng 21,5cm (có tính năng, tác dụng như vũ khí quân dụng), sau khi đánh bà Đ, bị cáo S đã sử dụng khẩu súng trên bắn 01 phát lên trời. Hành vi đó của bị cáo Trần Văn S đã phạm vào tội “*Tàng trữ, sử dụng, mua bán trái phép vũ khí quân dụng*” quy định tại khoản 1 Điều 230 Bộ luật hình sự.

Xét các hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến sức khỏe của người khác Đ pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn và xâm phạm đến thẩm quyền quản lý của Nhà nước về vũ khí quân dụng. Vì vậy,

cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự cần Đ áp dụng cho bị cáo Đ hưởng.

Ngoài ra thì bị cáo còn có tình tiết tình tăng nặng là phạm tội đối với người già Đ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự cần áp dụng với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại bà Phạm Thị Đ yêu cầu bị cáo Trần Văn S bồi thường cho bà 5.000.000đ, bị cáo chấp nhận yêu cầu của người bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trên.

Về vật chứng vụ án: 01 khẩu súng tự chế, Đ làm bằng kim loại dài 21,5cm, có bề mặt mài dũa, đây là vật chứng mà bị cáo S dùng để uy hiếp người bị hại và không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

Đối với 01 vỏ đạn bị cáodùng súng bắn ra và 01 cục đá loại (4x6)cm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon T đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ Đ. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô (không rõ BKS) bị cáo điều khiển đến nhà bà Đ là xe mô tô của anh Trịnh Văn Đ mượn của Hùng (không rõ lai lịch) nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon Tum không thu giữ được, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23; Mục 1, Mục 1.1 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Bị cáo Trần Văn S nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn S (Tên gọi khác: H) phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Tàng trữ, sử dụng, mua bán trái phép vũ khí quân dụng*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn S 09 (Chín) tháng tù

Áp dụng khoản 1 Điều 230; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn S 15 (Mười lăm) tháng tù

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự. **Buộc bị cáo Trần Văn S chấp hành hình phạt chung của hai tội là 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày 20/12/2016.**

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật dân sự;

Bị cáo Trần Văn S bồi thường cho bà Phạm Thị Đ số tiền 5.000.000đ (*năm triệu triệu đồng*).

Áp dụng khoản 2 Điều 357, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án. Bị cáo Trần Văn S ghừa bồi thường khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm bồi thường tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2105.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 khẩu súng tự chế, Đ làm bằng kim loại dài 21,5cm, có bề mặt mài dũa. (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/7/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Kon T và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon T).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23; Mục 1, Mục 1.1 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Bị cáo Trần Văn S phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 231 và Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (7/7/2017), bị cáo, người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Đ bản án hoặc bản án Đ niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon T;
- VKSND; CA TP Kon T;
- Chi cục THADS TP Kon T;
- Những người TGTT;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ NHƯ MAI